

**PHÒNG HỌC CAO HỌC KÌ II NĂM HỌC 2025-2026**

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
449	KT Điện tử 33.2 NC	Cơ sở dữ liệu	8	01/04/2026	04/04/2026	701A2
450	Kỹ thuật viễn thông 33.2 NC	Cơ sở dữ liệu	8	01/04/2026	04/04/2026	701A2
451	KT điện tử K33.1 NC	Cơ sở dữ liệu-1-2-25(N14)	8	01/04/2026	04/04/2026	701A2
452	KT viễn thông K33.1 UD	Cơ sở dữ liệu-1-2-25(N14)	8	01/04/2026	04/04/2026	701A2
453	KT Điều khiển & TĐH 33.2 NC	Độ tin cậy và an toàn-1-2-25(N02)	8	01/04/2026	04/04/2026	601A2
454	KT ĐK & TĐH K33.1 NC	Độ tin cậy và an toàn-1-2-25(N02)	8	01/04/2026	04/04/2026	601A2
455	KT ô tô khóa 32.2 NC	Động lực học hệ thống truyền lực ô tô-1-2-25(N01)	1	01/04/2026	04/04/2026	201A.A2
456	Công nghệ thông tin 33.2 UD	Học sâu & ứng dụng	19	01/04/2026	04/04/2026	504A2
457	CNTT K33.1 UD	Học sâu & ứng dụng	19	01/04/2026	04/04/2026	504A2
458	TCQLVT 32.2 NC	Lập & đánh giá dự án đầu tư trong giao thông vận tải-1-2-25(N01)	4	01/04/2026	04/04/2026	403A2
459	TCQLVT 32.2 UD	Lập & đánh giá dự án đầu tư trong giao thông vận tải-1-2-25(N01)	4	01/04/2026	04/04/2026	403A2
460	KT Cơ khí động lực 33.2 UD	Nhiên liệu thay thế trên ĐCĐT	2	01/04/2026	02/04/2026	703A2
461	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Nhiên liệu thay thế trên động cơ đốt trong-1-2-25(N03)	2	01/04/2026	02/04/2026	703A2
462	Kỹ thuật ô tô 33.2 NC	Ô tô chuyên dùng	18	01/04/2026	02/04/2026	604A2
463	Kỹ thuật ô tô 33.2 UD	Ô tô chuyên dùng	18	01/04/2026	02/04/2026	604A2
464	Kỹ thuật ô tô K33.1 NC	Ô tô chuyên dùng-1-2-25(N05)	18	01/04/2026	02/04/2026	604A2
465	Kỹ thuật ô tô K33.1 UD	Ô tô chuyên dùng-1-2-25(N05)	18	01/04/2026	02/04/2026	604A2
466	KT ĐK TĐH 32.2 NC	Phương pháp nghiên cứu khoa học	8	01/04/2026	03/04/2026	501A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
467	KT ĐK&TĐH 32.2 UD	Phương pháp nghiên cứu khoa học	8	01/04/2026	03/04/2026	501A2
468	KTVT 32.2 UD	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-2-25(N07.BT1)	8	01/04/2026	03/04/2026	501A2
469	KT CSHT K33.1 UD	Quản lý Nhà nước về xây dựng 2-1-2-25(N03)	1	01/04/2026	02/04/2026	505A8
470	Quản lý kinh tế 33.2 NC	Quản lý sản xuất & dịch vụ	28	01/04/2026	02/04/2026	102A2
471	Quản trị kinh doanh 33.2 UD	Quản lý sản xuất & dịch vụ	28	01/04/2026	02/04/2026	102A2
472	Quản trị kinh doanh 33.1 UD	Quản lý sản xuất & dịch vụ	28	01/04/2026	02/04/2026	102A2
473	Tổ chức & QLVT 33.2 NC	Quản lý sản xuất & dịch vụ	28	01/04/2026	02/04/2026	102A2
474	Tổ chức & QLVT 33.1 UD	Quản lý sản xuất & dịch vụ	28	01/04/2026	02/04/2026	102A2
475	Quản lý xây dựng 33.2 UD	Quản lý tài chính trong ĐT XD	38	01/04/2026	02/04/2026	103A2
476	Quản lý xây dựng 33.1 UD	Quản lý tài chính trong ĐT XD	38	01/04/2026	02/04/2026	103A2
477	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Truyền động phương tiện đường sắt-1-2-25(N02)	2	01/04/2026	02/04/2026	503A2
478	QTKD 32.2 UD	a-Kỹ năng ra quyết định quản trị-1-2-25(N01.TL1)	16	02/04/2026	04/04/2026	404A2
479	KT xây dựng CTGT 33.2 UD	Thủy lực CTGT	32	02/04/2026	03/04/2026	202A2
480	KTXD CTGT UD 32.1	Thủy lực CTGT	32	02/04/2026	03/04/2026	202A2
481	KTXD CTGT 33.1 NC	Thủy lực CTGT	32	02/04/2026	03/04/2026	202A2
482	KTXD CTGT 33.1 UD	Thủy lực CTGT	32	02/04/2026	03/04/2026	202A2
483	KT XD CTGT 32.2 NC	a- Phân tích động kết cấu cầu-1-2-25(N01)	2	03/04/2026	07/04/2026	602A2
484	KT XD CTGT 32.2 NC	a-Kỹ thuật đường sắt hiện đại-1-2-25(N02.TL1)	8	03/04/2026	07/04/2026	704A2
485	KTXCTGT 32.2 UD	a-Kỹ thuật đường sắt hiện đại-1-2-25(N02.TL1)	8	03/04/2026	07/04/2026	704A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
486	CNTT 32.2 UD	Blockchain & ứng dụng	3	03/04/2026	06/04/2026	402A2
487	KT xây dựng 33.2 NC	Kết cấu bê tông CTDD&CN	7	03/04/2026	07/04/2026	101A2
488	KT xây dựng 33.1 UD	Kết cấu bê tông CTDD&CN	7	03/04/2026	07/04/2026	101A2
489	Kỹ thuật ô tô 33.2 NC	Khí xả & xử lý khí xả	18	03/04/2026	04/04/2026	604A2
490	Kỹ thuật ô tô 33.2 UD	Khí xả & xử lý khí xả	18	03/04/2026	04/04/2026	604A2
491	Kỹ thuật ô tô K33.1 NC	Khí xả và xử lý khí xả-1-2-25(N02)	18	03/04/2026	04/04/2026	604A2
492	Kỹ thuật ô tô K33.1 UD	Khí xả và xử lý khí xả-1-2-25(N02)	18	03/04/2026	04/04/2026	604A2
493	Kỹ thuật ATGT K33.1 UD	Kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ-1-2-25(N02)	4	03/04/2026	07/04/2026	507A8
494	Kỹ thuật ATGT K32.2 UD	Kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ-1-2-25(N02)	4	03/04/2026	07/04/2026	507A8
495	Quản lý kinh tế 33.2 NC	Phân tích kinh tế	28	03/04/2026	04/04/2026	102A2
496	Quản trị kinh doanh 33.2 UD	Phân tích kinh tế	28	03/04/2026	04/04/2026	102A2
497	Quản trị kinh doanh 33.1 UD	Phân tích kinh tế	28	03/04/2026	04/04/2026	102A2
498	Tổ chức & QLVT 33.2 NC	Phân tích kinh tế	28	03/04/2026	04/04/2026	102A2
499	Tổ chức & QLVT 33.1 UD	Phân tích kinh tế	28	03/04/2026	04/04/2026	102A2
500	CNTT 32.2 NC	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	03/04/2026	06/04/2026	101a.A2
501	Quản lý xây dựng 33.2 UD	Quản lý hoạt động tư vấn trong XD	38	03/04/2026	04/04/2026	103A2
502	Quản lý xây dựng 33.1 UD	Quản lý hoạt động tư vấn trong XD	38	03/04/2026	04/04/2026	103A2
503	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Sức kéo đoàn tàu-1-2-25(N02)	2	03/04/2026	07/04/2026	503A2
504	KT CSHT K33.1 UD	Thiết kế tổ chức giao thông đô thị-1-2-25(N02)	1	03/04/2026	07/04/2026	505A8

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
505	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Trang trí động lực trên phương tiện giao thông-1-2-25(N03)	2	03/04/2026	07/04/2026	703A2
506	KT Cơ khí động lực 33.2 UD	Trang trí động lực trên phương tiện GT	2	03/04/2026	07/04/2026	703A2
507	KTVT 32.2 UD	b. Ứng dụng điện toán đám mây và điện toán biên-1-2-25(N01)	2	04/04/2026	08/04/2026	603A2
508	KT ĐK TĐH 32.2 NC	Điện tử công suất & công nghệ năng lượng mới	3	04/04/2026	09/04/2026	501A2
509	KT ĐK&TĐH 32.2 UD	Thực hành hệ thống điều khiển PLC Robot	3	04/04/2026	10/04/2026	502A2
510	KT xây dựng CTGT 33.2 UD	Trắc địa công trình	32	04/04/2026	06/04/2026	202A2
511	KTXD CTGT UD 32.1	Trắc địa công trình	32	04/04/2026	06/04/2026	202A2
512	KTXD CTGT 33.1 NC	Trắc địa công trình	32	04/04/2026	06/04/2026	202A2
513	KTXD CTGT 33.1 UD	Trắc địa công trình	32	04/04/2026	06/04/2026	202A2
514	Công nghệ thông tin 33.2 UD	Các nguyên lý ngôn ngữ lập trình	19	06/04/2026	09/04/2026	504A2
515	CNTT K33.1 UD	Các nguyên lý ngôn ngữ lập trình	19	06/04/2026	09/04/2026	504A2
516	KT viễn thông K33.1 UD	Điện toán đám mây-1-2-25(N02.TL1)	2	06/04/2026	09/04/2026	201B.A2
517	Kỹ thuật ô tô 33.2 NC	Hệ thống cơ điện tử	18	06/04/2026	07/04/2026	604A2
518	Kỹ thuật ô tô 33.2 UD	Hệ thống cơ điện tử	18	06/04/2026	07/04/2026	604A2
519	Kỹ thuật ô tô K33.1 NC	Hệ thống cơ điện tử-1-2-25(N09)	18	06/04/2026	07/04/2026	604A2
520	Kỹ thuật ô tô K33.1 UD	Hệ thống cơ điện tử-1-2-25(N09)	18	06/04/2026	07/04/2026	604A2
521	KT ĐK & TĐH K33.1 NC	Hệ thống SCADA và PLC- HMI-1-2-25(N03)	8	06/04/2026	09/04/2026	601A2
522	KT Điều khiển & TĐH 33.2 NC	Hệ thống SCADA và PLC-HMI	8	06/04/2026	09/04/2026	601A2
523	KT ô tô khóa 32.2 NC	Lý thuyết tối ưu và quy hoạch thực nghiệm-1-2-25(N01)	1	06/04/2026	07/04/2026	201A.A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
524	Kỹ thuật viễn thông 33.2 NC	Mô phỏng hệ thống thông tin	4	06/04/2026	09/04/2026	701A2
525	QTKD 32.2 UD	Phân tích tài chính doanh nghiệp-1-2-25(N01.TL1)	16	06/04/2026	09/04/2026	404A2
526	Quản lý kinh tế 33.2 NC	Quản lý & phát triển công nghệ	28	06/04/2026	07/04/2026	102A2
527	Quản trị kinh doanh 33.2 UD	Quản lý & phát triển công nghệ	28	06/04/2026	07/04/2026	102A2
528	Quản trị kinh doanh 33.1 UD	Quản lý & phát triển công nghệ	28	06/04/2026	07/04/2026	102A2
529	Tổ chức & QLVT 33.2 NC	Quản lý & phát triển công nghệ	28	06/04/2026	07/04/2026	102A2
530	Tổ chức & QLVT 33.1 UD	Quản lý & phát triển công nghệ	28	06/04/2026	07/04/2026	102A2
531	KT Điện tử 33.2 NC	Thiết kế thiết bị đo	4	06/04/2026	09/04/2026	702A2
532	KT điện tử K33.1 NC	Thiết kế thiết bị đo-1-2-25(N01)	4	06/04/2026	09/04/2026	702A2
533	Quản lý xây dựng 33.2 UD	Ứng dụng các mô hình toán trong QLXD	38	06/04/2026	07/04/2026	103A2
534	Quản lý xây dựng 33.1 UD	Ứng dụng các mô hình toán trong QLXD	38	06/04/2026	07/04/2026	103A2
535	TCQLVT 32.2 NC	Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh vận tải-1-2-25(N01)	4	06/04/2026	09/04/2026	403A2
536	TCQLVT 32.2 UD	Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh vận tải-1-2-25(N01)	4	06/04/2026	09/04/2026	403A2
537	CNTT 32.2 NC	Các phương pháp tối ưu nc	2	07/04/2026	09/04/2026	101a.A2
538	CNTT 32.2 UD	Cơ sở dữ liệu phi quan hệ	3	07/04/2026	09/04/2026	402A2
539	KT xây dựng CTGT 33.2 UD	Địa kỹ thuật UD	32	07/04/2026	08/04/2026	202A2
540	KTXD CTGT UD 32.1	Địa kỹ thuật UD	32	07/04/2026	08/04/2026	202A2
541	KTXD CTGT 33.1 NC	Địa kỹ thuật UD	32	07/04/2026	08/04/2026	202A2
542	KTXD CTGT 33.1 UD	Địa kỹ thuật UD	32	07/04/2026	08/04/2026	202A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
543	KT XD CTGT 32.2 NC	a-Công nghệ hiện đại trong xây dựng mặt đường-1-2-25(N01)	3	08/04/2026	11/04/2026	203A2
544	KT XD CTGT 32.2 NC	a-Kỹ thuật đường ô tô hiện đại-1-2-25(N01)	2	08/04/2026	11/04/2026	704A2
545	KT XD CTGT 32.2 NC	b. Công nghệ hiện đại xây dựng cầu-1-2-25(N01.TL1)	2	08/04/2026	11/04/2026	602A2
546	KT ô tô khóa 32.2 NC	Cơ kỹ thuật nâng cao-1-2-25(N01)	1	08/04/2026	09/04/2026	201A.A2
547	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Hãm đoàn tàu-1-2-25(N01)	2	08/04/2026	11/04/2026	503A2
548	KT xây dựng 33.2 NC	Kết cấu bê tông dự ứng lực	7	08/04/2026	09/04/2026	101A2
549	KT xây dựng 33.1 UD	Kết cấu bê tông dự ứng lực	7	08/04/2026	09/04/2026	101A2
550	Kỹ thuật ATGT K33.1 UD	Logistics, giao thông thương mại và ATGT-1-2-25(N01)	4	08/04/2026	11/04/2026	507A8
551	Kỹ thuật ATGT K32.2 UD	Logistics, giao thông thương mại và ATGT-1-2-25(N01)	4	08/04/2026	11/04/2026	507A8
552	Quản lý kinh tế 33.2 NC	Quản lý thông tin	28	08/04/2026	09/04/2026	102A2
553	Quản trị kinh doanh 33.2 UD	Quản lý thông tin	28	08/04/2026	09/04/2026	102A2
554	Quản trị kinh doanh 33.1 UD	Quản lý thông tin	28	08/04/2026	09/04/2026	102A2
555	Tổ chức & QLVT 33.2 NC	Quản lý thông tin	28	08/04/2026	09/04/2026	102A2
556	Tổ chức & QLVT 33.1 UD	Quản lý thông tin	28	08/04/2026	09/04/2026	102A2
557	KT Cơ khí động lực 33.2 UD	Thử nghiệm động cơ	2	08/04/2026	09/04/2026	703A2
558	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Thử nghiệm động cơ-1-2-25(N01)	2	08/04/2026	09/04/2026	703A2
559	Kỹ thuật ô tô 33.2 NC	Tự động hóa quá trình sản xuất cơ khí	18	08/04/2026	09/04/2026	604A2
560	Kỹ thuật ô tô 33.2 UD	Tự động hóa quá trình sản xuất cơ khí	18	08/04/2026	09/04/2026	604A2
561	Kỹ thuật ô tô K33.1 NC	Tự động hóa quá trình sản xuất cơ khí-1-2-25(N02)	18	08/04/2026	09/04/2026	604A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
562	Kỹ thuật ô tô K33.1 UD	Tự động hóa quá trình sản xuất cơ khí-1-2-25(N02)	18	08/04/2026	09/04/2026	604A2
563	KT CSHT K33.1 UD	Xử lý nước-1-2-25(N02.TL1)	1	08/04/2026	10/04/2026	505A8
564	KTVT 32.2 UD	b. Ứng dụng Internet vạn vật-1-2-25(N01)	2	09/04/2026	13/04/2026	603A2
565	KT xây dựng CTGT 33.2 UD	Cơ sở phương pháp phần tử hữu hạn	32	09/04/2026	10/04/2026	202A2
566	KTXD CTGT UD 32.1	Cơ sở phương pháp phần tử hữu hạn	32	09/04/2026	10/04/2026	202A2
567	KTXD CTGT 33.1 NC	Cơ sở phương pháp phần tử hữu hạn	32	09/04/2026	10/04/2026	202A2
568	KTXD CTGT 33.1 UD	Cơ sở phương pháp phần tử hữu hạn	32	09/04/2026	10/04/2026	202A2
569	CNTT 32.2 NC	Kiến trúc phần mềm	5	10/04/2026	14/04/2026	402A2
570	CNTT 32.2 UD	Kiến trúc phần mềm	5	10/04/2026	14/04/2026	402A2
571	TCQLVT 32.2 NC	Logistic quốc tế-1-2-25(N01.TL1)	4	10/04/2026	14/04/2026	403A2
572	TCQLVT 32.2 UD	Logistic quốc tế-1-2-25(N01.TL1)	4	10/04/2026	14/04/2026	403A2
573	KT ĐK TĐH 32.2 NC	Nghiên cứu thiết kế XD hệ nhúng	3	10/04/2026	14/04/2026	501A2
574	QTKD 32.2 UD	Phân tích nguồn nhân lực trong doanh nghiệp-1-2-25(N01.TL1)	16	10/04/2026	14/04/2026	404A2
575	KT ô tô khóa 32.2 NC	Truyền động nâng cao trong cơ khí-1-2-25(N01)	1	10/04/2026	11/04/2026	201A.A2
576	KT Điều khiển & TĐH 33.2 NC	Triết học	50	11/04/2026	15/04/2026	102A2
577	Công nghệ thông tin 33.2 UD	Triết học	50	11/04/2026	15/04/2026	102A2
578	KT Cơ khí động lực 33.2 UD	Triết học	50	11/04/2026	15/04/2026	102A2
579	KT Điện tử 33.2 NC	Triết học	50	11/04/2026	15/04/2026	102A2
580	Kỹ thuật ô tô 33.2 NC	Triết học	50	11/04/2026	15/04/2026	102A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
581	Kỹ thuật ô tô 33.2 UD	Triết học	50	11/04/2026	15/04/2026	102A2
582	Kỹ thuật viễn thông 33.2 NC	Triết học	50	11/04/2026	15/04/2026	102A2
583	KT xây dựng CTGT 33.2 UD	Triết học	50	11/04/2026	15/04/2026	102A2
584	KTXD CTGT UD 32.1	Triết học	50	11/04/2026	15/04/2026	102A2
585	KT xây dựng 33.2 NC	Triết học	50	11/04/2026	15/04/2026	102A2
586	Quản lý kinh tế 33.2 NC	Triết học	50	11/04/2026	15/04/2026	102A2
587	KTXD CTGT 33.1 NC	Triết học	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
588	KTXD CTGT 33.1 UD	Triết học	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
589	KT xây dựng 33.1 UD	Triết học	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
590	Quản trị kinh doanh 33.1 UD	Triết học	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
591	CNTT K33.1 UD	Triết học	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
592	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Triết học-1-2-25(N01.TL1)	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
593	KT điện tử K33.1 NC	Triết học-1-2-25(N01.TL1)	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
594	Kỹ thuật ô tô K33.1 NC	Triết học-1-2-25(N01.TL1)	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
595	Kỹ thuật ô tô K33.1 UD	Triết học-1-2-25(N01.TL1)	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
596	KT viễn thông K33.1 UD	Triết học-1-2-25(N01.TL1)	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
597	KT CSHT K33.1 UD	Triết học-1-2-25(N01.TL1)	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
598	KT ĐK & TĐH K33.1 NC	Triết học-1-2-25(N01.TL1)	54	11/04/2026	15/04/2026	202A2
599	KT ĐK&TĐH 32.2 UD	Ứng dụng máy tính nhúng trong điều khiển	3	11/04/2026	14/04/2026	502A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
600	KT XD CTGT 32.2 NC	b-Ứng dụng kỹ thuật hiện đại trong tổ chức giao thông-1-2-25(N01)	3	13/04/2026	16/04/2026	203A2
601	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Động lực học đoàn tàu-1-2-25(N01)	2	13/04/2026	16/04/2026	503A2
602	KT ô tô khóa 32.2 NC	Động lực học ô tô và đoàn xe-1-2-25(N01.TH1)	1	13/04/2026	16/04/2026	201A.A2
603	Kỹ thuật ATGT K33.1 UD	Hệ thống giao thông thông minh và ATGT-1-2-25(N01.BT1)	4	13/04/2026	16/04/2026	507A8
604	Kỹ thuật ATGT K32.2 UD	Hệ thống giao thông thông minh và ATGT-1-2-25(N01.BT1)	4	13/04/2026	16/04/2026	507A8
605	KT XD CTGT 32.2 NC	Lý thuyết thiết kế và tính toán cầu hiện đại-1-2-25(N01.TL1)	2	13/04/2026	16/04/2026	602A2
606	Quản lý xây dựng 33.2 UD	Thẩm định DAĐT công trong XD	38	13/04/2026	16/04/2026	103A2
607	Quản lý xây dựng 33.1 UD	Thẩm định DAĐT công trong XD	38	13/04/2026	16/04/2026	103A2
608	KT XD CTGT 32.2 NC	Thiết kế tuyến đường sắt tốc độ cao dựa trên phân tích động lực học-1-2-25(N01.TL1)	2	13/04/2026	16/04/2026	704A2
609	KT VT 32.2 UD	Xử lý tín hiệu số nâng cao-1-2-25(N01.BT1)	2	14/04/2026	16/04/2026	603A2
610	KT ĐK TĐH 32.2 NC	Hệ thống điều khiển thông minh	3	15/04/2026	18/04/2026	501A2
611	TCQLVT 32.2 NC	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp vận tải-1-2-25(N01.TL1)	4	15/04/2026	18/04/2026	403A2
612	TCQLVT 32.2 UD	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp vận tải-1-2-25(N01.TL1)	4	15/04/2026	18/04/2026	403A2
613	KT ĐK&TĐH 32.2 UD	Thiết kế ứng dụng xe tự hành và robot bày đàn	3	15/04/2026	18/04/2026	502A2
614	QTKD 32.2 UD	Thực tập chuyên môn-1-2-25(N03).TT	16	15/04/2026	14/05/2026	404A2
615	CNTT 32.2 NC	Tương tác người máy	5	15/04/2026	18/04/2026	402A2
616	CNTT 32.2 UD	Tương tác người máy	5	15/04/2026	18/04/2026	402A2
617	Kỹ thuật ô tô 33.2 NC	Điều khiển tự động	18	16/04/2026	17/04/2026	604A2
618	Kỹ thuật ô tô 33.2 UD	Điều khiển tự động	18	16/04/2026	17/04/2026	604A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
619	Kỹ thuật ô tô K33.1 NC	Điều khiển tự động-1-2-25(N09)	18	16/04/2026	17/04/2026	604A2
620	Kỹ thuật ô tô K33.1 UD	Điều khiển tự động-1-2-25(N09)	18	16/04/2026	17/04/2026	604A2
621	KT xây dựng CTGT 33.2 UD	Độ tin cậy kết cấu CT	32	16/04/2026	20/04/2026	202A2
622	KTXD CTGT UD 32.1	Độ tin cậy kết cấu CT	32	16/04/2026	20/04/2026	202A2
623	KTXD CTGT 33.1 NC	Độ tin cậy kết cấu CT	32	16/04/2026	20/04/2026	202A2
624	KTXD CTGT 33.1 UD	Độ tin cậy kết cấu CT	32	16/04/2026	20/04/2026	202A2
625	KT Cơ khí động lực 33.2 UD	Hệ thống điện tử & điều khiển động cơ	2	16/04/2026	20/04/2026	703A2
626	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Hệ thống điện tử và điều khiển động cơ-1-2-25(N01)	2	16/04/2026	20/04/2026	703A2
627	KT xây dựng 33.2 NC	Kết cấu nhà nhiều tầng	7	16/04/2026	20/04/2026	101A2
628	KT xây dựng 33.1 UD	Kết cấu nhà nhiều tầng	7	16/04/2026	20/04/2026	101A2
629	Quản lý kinh tế 33.2 NC	Phương pháp nghiên cứu khoa học	28	16/04/2026	17/04/2026	102A2
630	Quản trị kinh doanh 33.2 UD	Phương pháp nghiên cứu khoa học	28	16/04/2026	17/04/2026	102A2
631	Quản trị kinh doanh 33.1 UD	Phương pháp nghiên cứu khoa học	28	16/04/2026	17/04/2026	102A2
632	Tổ chức & QLVT 33.2 NC	Phương pháp nghiên cứu khoa học	28	16/04/2026	17/04/2026	102A2
633	Tổ chức & QLVT 33.1 UD	Phương pháp nghiên cứu khoa học	28	16/04/2026	17/04/2026	102A2
634	KT CSHT K33.1 UD	Quản lý kỹ thuật xây dựng cơ sở hạ tầng-1-2-25(N02.TL1)	1	16/04/2026	18/04/2026	505A8
635	KT Điện tử 33.2 NC	Toán kỹ thuật	35	16/04/2026	18/04/2026	601A2
636	Kỹ thuật viễn thông 33.2 NC	Toán kỹ thuật	35	16/04/2026	18/04/2026	601A2
637	Công nghệ thông tin 33.2 UD	Toán kỹ thuật	35	16/04/2026	18/04/2026	601A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
638	CNTT K33.1 UD	Toán kỹ thuật	35	16/04/2026	18/04/2026	601A2
639	KT Điều khiển & TĐH 33.2 NC	Toán kỹ thuật-1-2-25(N30.BT1)	35	16/04/2026	18/04/2026	601A2
640	KT điện tử K33.1 NC	Toán kỹ thuật-1-2-25(N30.BT1)	35	16/04/2026	18/04/2026	601A2
641	KT viễn thông K33.1 UD	Toán kỹ thuật-1-2-25(N30.BT1)	35	16/04/2026	18/04/2026	601A2
642	KT ĐK & TĐH K33.1 NC	Toán kỹ thuật-1-2-25(N30.BT1)	35	16/04/2026	18/04/2026	601A2
643	KT XD CTGT 32.2 NC	b-Kỹ thuật phân tích và đánh giá an toàn giao thông-1-2-25(N01)	3	17/04/2026	21/04/2026	203A2
644	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Công nghệ sửa chữa phương tiện đường sắt-1-2-25(N01)	2	17/04/2026	21/04/2026	503A2
645	KT XD CTGT 32.2 NC	Công nghệ tiên tiến sửa chữa và tăng cường cầu và kết cấu công trình-1-2-25(N01.TL1)	2	17/04/2026	21/04/2026	602A2
646	Kỹ thuật ATGT K33.1 UD	Kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ-1-2-25(N02.BT1)	4	17/04/2026	21/04/2026	507A8
647	Kỹ thuật ATGT K32.2 UD	Kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ-1-2-25(N02.BT1)	4	17/04/2026	21/04/2026	507A8
648	KTVT 32.2 UD	Mô phỏng hệ thống thông tin nâng cao-1-2-25(N01.BT1)	2	17/04/2026	20/04/2026	603A2
649	Quản lý xây dựng 33.2 UD	Quản lý tài chính trong ĐT XD	38	17/04/2026	21/04/2026	103A2
650	Quản lý xây dựng 33.1 UD	Quản lý tài chính trong ĐT XD	38	17/04/2026	21/04/2026	103A2
651	KT ô tô khóa 32.2 NC	Thí nghiệm ô tô-1-2-25(N01.TN1)	1	17/04/2026	21/04/2026	201A.A2
652	KT XD CTGT 32.2 NC	Thiết kế đường sắt thứ hai-1-2-25(N01.TL1)	2	17/04/2026	21/04/2026	704A2
653	Quản lý kinh tế 33.2 NC	Dự báo kinh tế - xã hội	4	18/04/2026	20/04/2026	101a.A2
654	Quản trị kinh doanh 33.2 UD	Kế toán cho nhà quản trị	8	18/04/2026	20/04/2026	102A2
655	Quản trị kinh doanh 33.1 UD	Kế toán cho nhà quản trị	8	18/04/2026	20/04/2026	102A2
656	Kỹ thuật ô tô 33.2 NC	Phương pháp học & nc chuyên ngành	18	18/04/2026	22/04/2026	604A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
657	Kỹ thuật ô tô 33.2 UD	Phương pháp học & nc chuyên ngành	18	18/04/2026	22/04/2026	604A2
658	Kỹ thuật ô tô K33.1 NC	Phương pháp học và nghiên cứu chuyên ngành-1-2-25(N05.TH1)	18	18/04/2026	22/04/2026	604A2
659	Kỹ thuật ô tô K33.1 UD	Phương pháp học và nghiên cứu chuyên ngành-1-2-25(N05.TH1)	18	18/04/2026	22/04/2026	604A2
660	Công nghệ thông tin 33.2 UD	Các nguyên lý ngôn ngữ lập trình	19	20/04/2026	23/04/2026	504A2
661	CNTT K33.1 UD	Các nguyên lý ngôn ngữ lập trình	19	20/04/2026	23/04/2026	504A2
662	KT ĐK TĐH 32.2 NC	Chuyên đề nghiên cứu 2	3	20/04/2026	23/04/2026	501A2
663	KT CSHT K33.1 UD	Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong xây dựng CSHT đô thị-1-2-25(N01.TL1)	1	20/04/2026	23/04/2026	505A8
664	Kỹ thuật viễn thông 33.2 NC	Mạng & các tiêu chuẩn truyền thông không dây	4	20/04/2026	22/04/2026	701A2
665	KT viễn thông K33.1 UD	Mạng và các tiêu chuẩn truyền thông không dây-1-2-25(N03.TL1)	4	20/04/2026	22/04/2026	701A2
666	KT Điện tử 33.2 NC	Nguồn điện	4	20/04/2026	23/04/2026	702A2
667	KT điện tử K33.1 NC	Nguồn điện-1-2-25(N01.TL1)	4	20/04/2026	23/04/2026	702A2
668	CNTT 32.2 NC	Phân tích & đánh giá thuật toán	5	20/04/2026	23/04/2026	402A2
669	CNTT 32.2 UD	Phân tích & đánh giá thuật toán	5	20/04/2026	23/04/2026	402A2
670	TCQLVT 32.2 NC	Quản lý hoạt động vận tải đường bộ-1-2-25(N01.TL1)	4	20/04/2026	21/04/2026	403A2
671	TCQLVT 32.2 UD	Quản lý hoạt động vận tải đường bộ-1-2-25(N01.TL1)	4	20/04/2026	21/04/2026	403A2
672	KT ĐK&TĐH 32.2 UD	Ứng dụng máy tính nhúng trong điều khiển	3	20/04/2026	23/04/2026	502A2
673	KT Cơ khí động lực 33.2 UD	Chẩn đoán, bảo dưỡng KT & sửa chữa động cơ	2	21/04/2026	22/04/2026	703A2
674	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Chẩn đoán, bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa động cơ-1-2-25(N01)	2	21/04/2026	22/04/2026	703A2
675	KT xây dựng CTGT 33.2 UD	Địa kỹ thuật UD	32	21/04/2026	23/04/2026	202A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
676	KTXD CTGT UD 32.1	Địa kỹ thuật UD	32	21/04/2026	23/04/2026	202A2
677	KTXD CTGT 33.1 NC	Địa kỹ thuật UD	32	21/04/2026	23/04/2026	202A2
678	KTXD CTGT 33.1 UD	Địa kỹ thuật UD	32	21/04/2026	23/04/2026	202A2
679	Quản lý kinh tế 33.2 NC	Kinh tế học nâng cao	28	21/04/2026	23/04/2026	102A2
680	Quản trị kinh doanh 33.2 UD	Kinh tế học nâng cao	28	21/04/2026	23/04/2026	102A2
681	Quản trị kinh doanh 33.1 UD	Kinh tế học nâng cao	28	21/04/2026	23/04/2026	102A2
682	Tổ chức & QLVT 33.2 NC	Kinh tế học nâng cao	28	21/04/2026	23/04/2026	102A2
683	Tổ chức & QLVT 33.1 UD	Kinh tế học nâng cao	28	21/04/2026	23/04/2026	102A2
684	KT ĐK & TĐH K33.1 NC	Kỹ thuật điều khiển giao thông-1-2-25(N01)	8	21/04/2026	24/04/2026	601A2
685	KT Điều khiển & TĐH 33.2 NC	Kỹ thuật điều khiển GT	8	21/04/2026	24/04/2026	601A2
686	KT xây dựng 33.2 NC	Toán ứng dụng	7	21/04/2026	23/04/2026	101A2
687	KT xây dựng 33.1 UD	Toán ứng dụng	7	21/04/2026	23/04/2026	101A2
688	KTVT 32.2 UD	Ứng dụng mạng không đồng nhất-1-2-25(N01.BT1)	2	21/04/2026	24/04/2026	603A2
689	KT XD CTGT 32.2 NC	a- Kiểm định, đánh giá chất lượng công trình đường ô tô-1-2-25(N01)	3	22/04/2026	25/04/2026	203A2
690	KT XD CTGT 32.2 NC	a- Phân tích động kết cấu cầu-1-2-25(N01.TL1)	2	22/04/2026	28/04/2026	602A2
691	KT ô tô khóa 32.2 NC	Khai thác kỹ thuật ô tô-1-2-25(N01.TH1)	1	22/04/2026	25/04/2026	201A.A2
692	Kỹ thuật ATGT K33.1 UD	Logistics, giao thông thương mại và ATGT-1-2-25(N01.BT1)	4	22/04/2026	25/04/2026	507A8
693	Kỹ thuật ATGT K32.2 UD	Logistics, giao thông thương mại và ATGT-1-2-25(N01.BT1)	4	22/04/2026	25/04/2026	507A8
694	KT XD CTGT 32.2 NC	Nguyên lý tính toán nền đường sắt tốc độ cao-1-2-25(N01.TL1)	2	22/04/2026	25/04/2026	704A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
695	Quản lý xây dựng 33.2 UD	Quản lý sản xuất XD & khai thác CT	38	22/04/2026	25/04/2026	103A2
696	Quản lý xây dựng 33.1 UD	Quản lý sản xuất XD & khai thác CT	38	22/04/2026	25/04/2026	103A2
697	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Truyền động phương tiện đường sắt-1-2-25(N02.TL1)	2	22/04/2026	24/04/2026	503A2
698	TCQLVT 32.2 NC	Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh vận tải-1-2-25(N01.TL1)	4	22/04/2026	25/04/2026	403A2
699	TCQLVT 32.2 UD	Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh vận tải-1-2-25(N01.TL1)	4	22/04/2026	25/04/2026	403A2
700	KT Cơ khí động lực 33.2 UD	Dao động & cân bằng ĐCĐT	2	23/04/2026	24/04/2026	703A2
701	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Dao động và cân bằng động cơ đốt trong-1-2-25(N01)	2	23/04/2026	24/04/2026	703A2
702	Kỹ thuật viễn thông 33.2 NC	Kỹ thuật siêu cao tần	4	23/04/2026	28/04/2026	701A2
703	KT viễn thông K33.1 UD	Kỹ thuật siêu cao tần-1-2-25(N04.TL1)	4	23/04/2026	28/04/2026	701A2
704	Công nghệ thông tin 33.2 UD	Học sâu & ứng dụng	19	24/04/2026	29/04/2026	504A2
705	CNTT K33.1 UD	Học sâu & ứng dụng	19	24/04/2026	29/04/2026	504A2
706	CNTT 32.2 NC	Kiến trúc phần mềm	5	24/04/2026	29/04/2026	402A2
707	CNTT 32.2 UD	Kiến trúc phần mềm	5	24/04/2026	29/04/2026	402A2
708	KT điện tử K33.1 NC	Kỹ thuật điện tử tương tự nâng cao-1-2-25(N03.TL1)	4	24/04/2026	29/04/2026	702A2
709	KT Điện tử 33.2 NC	Kỹ thuật điện tử tương tự nc	4	24/04/2026	29/04/2026	702A2
710	KT ĐK TĐH 32.2 NC	Nghiên cứu thiết kế DA tự động hóa	3	24/04/2026	29/04/2026	501A2
711	KT CSHT K33.1 UD	Quản lý Nhà nước về xây dựng 2-1-2-25(N03.TL1)	1	24/04/2026	28/04/2026	505A8
712	Quản lý kinh tế 33.2 NC	Quản lý sản xuất & dịch vụ	28	24/04/2026	28/04/2026	102A2
713	Quản trị kinh doanh 33.2 UD	Quản lý sản xuất & dịch vụ	28	24/04/2026	28/04/2026	102A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
714	Quản trị kinh doanh 33.1 UD	Quản lý sản xuất & dịch vụ	28	24/04/2026	28/04/2026	102A2
715	Tổ chức & QLVT 33.2 NC	Quản lý sản xuất & dịch vụ	28	24/04/2026	28/04/2026	102A2
716	Tổ chức & QLVT 33.1 UD	Quản lý sản xuất & dịch vụ	28	24/04/2026	28/04/2026	102A2
717	KT ĐK&TĐH 32.2 UD	Thiết kế xây dựng hệ thống tự động hóa	3	24/04/2026	29/04/2026	502A2
718	KT xây dựng CTGT 33.2 UD	Trắc địa công trình	32	24/04/2026	28/04/2026	202A2
719	KTXD CTGT UD 32.1	Trắc địa công trình	32	24/04/2026	28/04/2026	202A2
720	KTXD CTGT 33.1 NC	Trắc địa công trình	32	24/04/2026	28/04/2026	202A2
721	KTXD CTGT 33.1 UD	Trắc địa công trình	32	24/04/2026	28/04/2026	202A2
722	KT xây dựng 33.2 NC	Vật liệu xây dựng tính năng cao	7	24/04/2026	28/04/2026	101A2
723	KT xây dựng 33.1 UD	Vật liệu xây dựng tính năng cao	7	24/04/2026	28/04/2026	101A2
724	KTVT 32.2 UD	b. Ứng dụng Internet vạn vật-1-2-25(N01.BT1)	2	25/04/2026	04/05/2026	603A2
725	KT Điều khiển & TĐH 33.2 NC	Kỹ thuật điều khiển xe điện	8	25/04/2026	28/04/2026	601A2
726	KT ĐK & TĐH K33.1 NC	Kỹ thuật điều khiển xe điện-1-2-25(N01)	8	25/04/2026	28/04/2026	601A2
727	KT Cơ khí động lực 33.2 UD	Toán kỹ thuật	23	25/04/2026	29/04/2026	604A2
728	Kỹ thuật ô tô 33.2 NC	Toán kỹ thuật	23	25/04/2026	29/04/2026	604A2
729	Kỹ thuật ô tô 33.2 UD	Toán kỹ thuật	23	25/04/2026	29/04/2026	604A2
730	KT Cơ khí động lực K33.1 UD	Toán kỹ thuật-1-2-25(N28.TL1)	23	25/04/2026	29/04/2026	604A2
731	Kỹ thuật ô tô K33.1 NC	Toán kỹ thuật-1-2-25(N28.TL1)	23	25/04/2026	29/04/2026	604A2
732	Kỹ thuật ô tô K33.1 UD	Toán kỹ thuật-1-2-25(N28.TL1)	23	25/04/2026	29/04/2026	604A2

STT	LỚP	MÔN	SỐ HV	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	PHÒNG HỌC
733	KT XD CTGT 32.2 NC	Cấu tạo và tính toán đường sắt không đá-1-2-25(N01)	2	28/04/2026	05/05/2026	704A2
734	KT ô tô khóa 32.2 NC	Lý thuyết tối ưu và quy hoạch thực nghiệm-1-2-25(N01.TL1)	1	28/04/2026	04/05/2026	201A.A2
735	Quản lý xây dựng 33.2 UD	Quản lý hoạt động tư vấn trong XD	38	28/04/2026	05/05/2026	103A2
736	Quản lý xây dựng 33.1 UD	Quản lý hoạt động tư vấn trong XD	38	28/04/2026	05/05/2026	103A2
737	KT XD CTGT 32.2 NC	Quản lý và khai thác đường ô tô cao tốc-1-2-25(N01.TL1)	3	28/04/2026	05/05/2026	203A2
738	TCQLVT 32.2 NC	Tổ chức khai thác vận tải-1-2-25(N01.TL1)	4	28/04/2026	05/05/2026	403A2
739	TCQLVT 32.2 UD	Tổ chức khai thác vận tải-1-2-25(N01.TL1)	4	28/04/2026	05/05/2026	403A2
740	KT XD CTGT 32.2 NC	b- Các chuyên đề nâng cao trong kỹ thuật cầu và kết cấu công trình-1-2-25(N01.TL1)	2	29/04/2026	07/05/2026	602A2
741	KT viễn thông K33.1 UD	Điện toán đám mây-1-2-25(N02.TL1)	2	29/04/2026	05/05/2026	201B.A2
742	KT xây dựng 33.2 NC	Hệ thống thiết bị kỹ thuật trong nhà	7	29/04/2026	06/05/2026	101A2
743	KT xây dựng 33.1 UD	Hệ thống thiết bị kỹ thuật trong nhà	7	29/04/2026	06/05/2026	101A2
744	Kỹ thuật viễn thông 33.2 NC	Mô phỏng hệ thống thông tin	2	29/04/2026	05/05/2026	701A2
745	Quản lý kinh tế 33.2 NC	Phân tích kinh tế	28	29/04/2026	05/05/2026	102A2
746	Quản trị kinh doanh 33.2 UD	Phân tích kinh tế	28	29/04/2026	05/05/2026	102A2
747	Quản trị kinh doanh 33.1 UD	Phân tích kinh tế	28	29/04/2026	05/05/2026	102A2
748	Tổ chức & QLVT 33.2 NC	Phân tích kinh tế	28	29/04/2026	05/05/2026	102A2
749	Tổ chức & QLVT 33.1 UD	Phân tích kinh tế	28	29/04/2026	05/05/2026	102A2
750	KT CSHT K33.1 UD	Thiết kế tổ chức giao thông đô thị-1-2-25(N02.TL1)	1	29/04/2026	06/05/2026	505A8
751	KT xây dựng CTGT 33.2 UD	Toán ứng dụng	32	29/04/2026	05/05/2026	202A2

<b>STT</b>	<b>LỚP</b>	<b>MÔN</b>	<b>SỐ HV</b>	<b>BẮT ĐẦU</b>	<b>KẾT THÚC</b>	<b>PHÒNG HỌC</b>
752	KTXD CTGT UD 32.1	Toán ứng dụng	32	29/04/2026	05/05/2026	202A2
753	KTXD CTGT 33.1 NC	Toán ứng dụng	32	29/04/2026	05/05/2026	202A2
754	KTXD CTGT 33.1 UD	Toán ứng dụng	32	29/04/2026	05/05/2026	202A2
755	KT ĐK & TĐH K33.1 NC	Trí tuệ nhân tạo trong điều khiển- tự động hóa-1-2-25(N01)	8	29/04/2026	04/05/2026	601A2
756	KT Điều khiển & TĐH 33.2 NC	Trí tuệ nhân tạo trong ĐK-TĐH	8	29/04/2026	04/05/2026	601A2